

## TÓM TẮT LÝ THUYẾT VỀ HIĐROCACBON NO, KHÔNG NO

	<b>Ankan</b>	<b>Anken</b>	<b>Ankadien</b>	<b>Ankin</b>
<b>CTPT</b>	$C_nH_{2n+2}$ ( $n \geq 1$ )	$C_nH_{2n}$ ( $n \geq 2$ )	$C_nH_{2n-2}$ ( $n \geq 3$ )	$C_nH_{2n-2}$ ( $n \geq 2$ )
<b>Cấu tạo phân tử</b>	-Phân tử chỉ chứa liên kết đơn (C–C, C–H) $\Delta = 0$  ( $\Delta = (2+2C-H)/2$ )	- Phân tử chứa 1 liên kết đôi C=C $\Delta = 1$	-Phân tử chứa 2 liên kết đôi C=C $\Delta = 2$	-Phân tử chứa 1 liên kết ba C≡C $\Delta = 2$
<b>Đồng phân</b>	-Mạch cacbon	-Vị trí liên kết đôi. -Mạch cacbon. -Hình học (cis-trans)	-Vị trí liên kết đôi. -Mạch cacbon. -Hình học (cis-trans)	-Vị trí liên kết ba. -Mạch cacbon.
<b>Tính chất vật lí</b>	- Ở điều kiện thường: $C_1 - C_4$ là chất khí, từ $C_5$ trở lên là chất lỏng hoặc rắn. - Không màu, không tan trong nước.			
<b>Tính chất hóa học</b>	-Phản ứng thế halogen. -Phản ứng tách hiđro, crăckinh. -Phản ứng oxi hóa.	-Phản ứng cộng ( $H_2$ , halogen, HX). -Phản ứng trùng hợp. -Phản ứng oxi hóa.	-Phản ứng cộng ( $H_2$ , halogen, HX). -Phản ứng trùng hợp. -Phản ứng oxi hóa.	-Phản ứng cộng ( $H_2$ , halogen, HX). -Phản ứng thế H của ank-1-in (phản ứng với dd $AgNO_3/NH_3$ ) -Phản ứng oxi hóa.
<b>Ứng dụng</b>	-Nguyên liệu, nhiên liệu, dung môi.	-Nguyên liệu.	-Nguyên liệu.	-Nguyên liệu, nhiên liệu.